

Bản án số: 04/2023/HS-ST

Ngày: 10 – 02 – 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Ngọc Trước.

Ông Trần Phước Đa.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Phan Thị Kim Loan- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Ông Trần Văn Nên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 và ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 51/2022/TLST-HS ngày 15/11/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2022 đối với:

- Bị cáo:

Nguyễn Thanh H, sinh năm 1983 tại tỉnh Đồng Tháp; giới tính: Nam; Nơi đăng ký HKTT: Khóm An Thạnh A, phường An L, thành phố Hồng N, tỉnh Đồng Tháp. Nơi ở khi trốn truy nã: Ấp Long Hòa X, xã Long Đ, huyện Chợ M, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và con bà Trần Thị S, sinh năm 1942; có vợ (đã ly hôn) và có 01 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 29/9/2014, Nguyễn Thanh H bị Tòa án nhân dân huyện Trà Ô, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Đến ngày 24/11/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đưa vụ án trên ra xét xử phúc thẩm, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 41/2014/HS-ST ngày 29/9/2014

của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn. Bị cáo đã chấp hành xong Bản án trên, bị cáo ra trại ngày 27/4/2017.

Tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 27/3/2022. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam T17 Bộ Công an (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

- Bị hại:

1. Phạm Văn S, sinh năm 1976 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Số 15, ấp Bình L, xã Tân B, huyện Vĩnh C, tỉnh Đồng Nai.

2. Huỳnh Trung H1, sinh năm 1981 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Ấp Chiến T, xã Tân Thành X, huyện Tân H2, tỉnh Đồng Tháp.

3. Lý Công H3, sinh năm 1959 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Ấp Tân Đ, xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh.

4. Lưu Văn Đ sinh năm 1958 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Tổ X, ấp Tân H, xã Tân Vĩnh H, thị xã Tân U, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyễn Đức Phụng, sinh năm 1985 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Thôn Phước Đồng X, xã Phước H, huyện Ninh P, tỉnh Ninh Thuận.

6. Trương Văn L, sinh năm 1962 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Phường An T, thành phố Thuận A, tỉnh Bình Dương.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Văn Thuận E (Tên gọi khác: Nguyễn Chí H1; Thái Văn M), sinh ngày 19/7/1976 (*có mặt*).

Địa chỉ: Ấp Hoàng V, xã Tân P, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Phan Văn T, sinh năm 1973 (*có mặt*).

Địa chỉ: Hẻm 30/4, Khóm X, phường An T, thành phố Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

3. Nguyễn Chí T, sinh năm 1960 (*có mặt*).

Địa chỉ: Ấp Tân Hoà T1, xã Tân H, thành phố Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2011, Cục Cảnh sát hình sự - Bộ Công an phát hiện nhóm tội phạm dùng thủ đoạn giả danh nhân viên Công ty xỏ số kiến thiết gọi điện thoại cho số

để đánh lô đề và giả danh cán bộ Bưu điện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước gọi điện thoại thông báo trúng thưởng, yêu cầu người bị hại chuyển tiền vào các tài khoản do nhóm tội phạm này cung cấp sau đó rút tiền để chiếm đoạt, xảy ra tại các tỉnh Đồng Tháp, An Giang, Tây Ninh, Ninh Thuận, Bình Dương, Đồng Nai. Căn cứ tài liệu thu thập được, ngày 14/10/2011 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với: Nguyễn Văn Thuận E, Phan Văn T1, Nguyễn Chí T2, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thanh H về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt T2 sản, thông qua việc sử dụng các T2 khoản: số 650021500853 mang tên Phòng Toàn Q; số 901048052 mang tên Phan Bảo Q và tài khoản số 711A - 41092289 mang tên Lê Minh H4 để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Bộ Công an đã xác định Nguyễn Văn Thuận E, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thanh H và đối tượng tên là D (không xác định được nhân thân, lai lịch) đã sử dụng 02 tài khoản mang tên Phòng Toàn Quang và Phan Bảo Q lừa đảo chiếm đoạt được tổng số tiền là 440.000.000 đồng; Nguyễn Thanh H, Phan Văn T1, Nguyễn Chí T sử dụng tài khoản mang tên Lê Minh H lừa đảo chiếm đoạt được số tiền là 83.000.000 đồng.

Sau khi bị khởi tố, bị cáo Nguyễn Thanh H đã bỏ trốn nên Cơ quan điều tra không lấy được lời khai. Kết thúc điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Bộ Công an đã ra Quyết định truy nã, Quyết định tách vụ án hình sự và Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án đối với bị can, Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can đối với H, khi nào bắt được sẽ phục hồi điều tra, xử lý sau. Ngày 25/9/2012 Cơ quan Cảnh sát điều tra- Bộ Công an đã ban hành Bản kết luận điều tra vụ án hình sự số 318/C45-P9, chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án và vật chứng đến Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị truy tố đối với Nguyễn Văn Thuận E, Phan Văn T1, Nguyễn Chí T, Nguyễn Văn H, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Ngày 26/11/2012, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã ban hành Cáo trạng số 36/KSĐT-V1A truy tố Nguyễn Văn Thuận E, Phan Văn T1, Nguyễn Chí T, Nguyễn Văn H5 ra trước Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp để xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Ngày 27/12/2012, Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã đưa vụ án trên ra xét xử sơ thẩm. Ngày 29/5/2013, Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh đã đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm và giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo, tuyên bố các bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, xử phạt Nguyễn Văn Thuận E 15 năm tù, Phan Văn T1 14 năm tù, Nguyễn Chí T 08 năm tù (gồm 04 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” trong vụ án này và 04 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 18/HSST

ngày 19/6/2012 của Toà án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long) và xử phạt Nguyễn Văn H5 13 năm tù. Đến nay, các bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, riêng Nguyễn Văn Thuận E chấp hành án tại Trại giam Cao Lãnh (thuộc Cục C10-Bộ Công an) và cũng đã chấp hành xong án phạt tù vào ngày 07/10/2022 (theo Giấy chứng nhận số 516/GCN của Trại giam Cao Lãnh).

Ngày 26/3/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Bộ Công an bắt được Nguyễn Thanh H theo Quyết định truy nã, vụ án được phục hồi để tiến hành điều tra theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Quá trình phục hồi điều tra, bị cáo Nguyễn Thanh H không thừa nhận việc tham gia với Nguyễn Văn Thuận E, Nguyễn Văn H5 và đối tượng tên là D sử dụng các tài khoản tên Phòng Toàn Q và Phan Bảo Q để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an đã thu thập tài liệu chứng cứ, đấu tranh với bị cáo nhưng Nguyễn Thanh H chỉ thừa nhận tham gia cùng Nguyễn Chí T, Phan Văn T1 sử dụng tài khoản số 711A - 41092289 thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt được số tiền 83.000.000 đồng. Đến nay lời khai của Nguyễn Văn Thuận E xác định chỉ nhớ Thuận E là người hướng dẫn H các thủ đoạn để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, còn không nhớ chi tiết về hành vi phạm tội của Nguyễn Thanh H. Xác minh đối tượng Nguyễn Văn H5 không có mặt ở địa phương và đối tượng D không xác định được nhân thân, địa chỉ, nên Cơ quan điều tra không lấy được lời khai. Vì vậy, không đủ căn cứ để kết luận Nguyễn Thanh H tham gia với Nguyễn Văn Thuận E và Nguyễn Văn H5 trong việc sử dụng 02 tài khoản mang tên Phòng Toàn Q và Phan Bảo Q để lừa đảo chiếm đoạt tài sản số tiền 440.000.000 đồng.

Kết quả điều tra đến nay xác định được bị cáo Nguyễn Thanh H đã tham gia cùng Phan Văn T1, Nguyễn Chí T thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 83.000.000 đồng thông qua tài khoản số 711A - 41092289 mang tên Lê Minh H, cụ thể như sau:

Vào khoảng tháng 10 năm 2011, Nguyễn Chí T, Phan Văn T1 và Nguyễn Thanh H gặp nhau tại huyện Đức H, tỉnh Long An. Phan Văn T1 đã mua sẵn tài khoản số 711A - 41092289 của anh Lê Minh H (trú tại ấp Bình H, thị trấn Tân T, huyện Tân T, tỉnh Long An) với giá tiền 2.000.000 đồng, mục đích sử dụng cho việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Khi gặp nhau, Nguyễn Thanh H, Phan Văn T1 và Nguyễn Chí T bàn bạc thống nhất về cách thức lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cụ thể, hàng ngày Nguyễn Chí T, Phan Văn T1 và Nguyễn Thanh H dùng điện thoại di động số sim rác gọi đến các số điện thoại cố định bất kỳ để giả mạo là nhân viên của Bưu điện, giám đốc của Kho bạc Nhà nước Tỉnh, giám đốc Ngân hàng, Cục thuế Tỉnh để thông báo trúng thưởng, yêu cầu người bị hại muốn nhận thưởng thì phải nộp trước một số tiền (gọi là tiền thuế thu nhập 10% trên tổng số tiền trúng

thường) vào tài khoản số 711A - 41092289 mang tên Lê Minh H, khi người bị hại đã chuyển tiền vào tài khoản, các bị cáo tháo sim rút bỏ ngay. Thời gian ở huyện Đức H, tỉnh Long An, bị cáo H không ở cùng với Nguyễn Chí T và Phan Văn T1 mà thuê nhà trọ riêng, hàng ngày H, Tài ngồi tại nhà gọi điện thoại vào các số điện thoại cố định bất kỳ (do các bị hại và bị cáo chỉ giao dịch trên điện thoại, không quen biết nhau nên không được xác định được cụ thể H, Tài ai là người đã trực tiếp gọi điện thoại đến số điện thoại nào, của ai). Khi các bị hại chuyển tiền vào tài khoản thì H, Tài thông báo để Phan Văn T1 biết, sau đó cả ba cùng đi rút tiền về chia nhau. Bằng thủ đoạn trên, nhóm Nguyễn Thanh H, Phan Văn T1 và Nguyễn Chí T đã chiếm đoạt được tiền của 06 người bị hại, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 9 giờ sáng, ngày 18/10/2011, nhóm của T1, H, T gọi điện thoại đến số máy cố định 0683.655267 của gia đình ông Nguyễn Văn H ở Phước Đông X, xã Phước H, huyện Ninh P, tỉnh Ninh Thuận, thông báo số điện thoại của ông H6 là số điện thoại may mắn trúng thưởng số tiền 235.000.000 đồng, đề nghị gia đình mang 15.500.000 đồng đến Kho bạc Nhà nước tỉnh Ninh T để nộp lệ phí trúng thưởng, khi tới Kho bạc Nhà nước thì liên lạc với ông Ba là Giám đốc Kho bạc (theo số điện thoại 0949.446046) để được hướng dẫn nhận tiền trúng thưởng. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 18/10/2011, ông H6 và con trai là anh Nguyễn Văn P đến Kho bạc, anh P gọi vào số điện thoại 0949.446046 thì người xưng tên B nói đang đi họp trên tỉnh và nói liên lạc với anh D Phó giám đốc theo số điện thoại 0934.145.429 để được hướng dẫn làm thủ tục. Anh P gọi cho người tên D và được người này hướng dẫn đến Ngân hàng Công thương chi nhánh tỉnh Ninh Thuận nộp 15.500.000 đồng vào tài khoản 711A – 41092289, sau khi nộp tiền xong quay lại Kho bạc lĩnh thưởng. Anh P làm theo hướng dẫn, mang giấy nộp tiền ghi tên ông Nguyễn Văn H6 quay lại Kho bạc và gọi điện thoại cho người tên D, báo đã nộp tiền thì D bảo chờ. Anh P chờ đến 16h cùng ngày, gọi điện thoại cho D thì D nói ông B giám đốc đi họp chưa về và cứ tiếp tục chờ. Anh P nghi ngờ liền hỏi thăm thì được biết không có ai tên là B, D làm Giám đốc, Phó Giám đốc Kho bạc Tỉnh. Biết bị lừa, anh Phụng gọi lại các số điện thoại trên thì không liên lạc được. Ngay sau khi tiền được chuyển vào tài khoản, thì H, Tài, T1 đã rút về chia nhau tiêu xài hết.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 09 giờ ngày 28/10/2011, nhóm của T1, H, T gọi điện thoại đến số điện thoại cố định 0653.659115 của gia đình ông Lưu Văn Đ ở Tân H, Tân Vĩnh H, thị xã Tân U, tỉnh Bình Dương, xưng tên là Lê Minh H làm ở Bưu điện tỉnh Bình Dương, nói số điện thoại nhà ông Đ là số điện thoại may mắn trúng thưởng số tiền 105.000.000 đồng trong chương trình quay số trúng thưởng do Bưu điện tỉnh Bình Dương tổ chức, yêu cầu gia đình chuyển 10% số tiền trúng thưởng là 10.500.000 đồng để đóng tiền thuế vào tài khoản số 711A - 41092289

và nhận thưởng tại Kho bạc tỉnh Bình Dương; đồng thời cho số điện thoại di động để liên lạc. Ông Đ đã đến Ngân hàng Công thương chi nhánh tỉnh Bình Dương nộp số tiền 10.500.000 đồng vào tài khoản trên. Khoảng 12 giờ, ông Đ điện thoại cho người tên H thì người này nói chưa nhận được tiền, bảo ông đến nhà ông H nghỉ trưa chờ đến chiều nhận thưởng. Ông Đ đi đến địa chỉ ông H cho nhưng thấy nhà đóng cửa nên biết đã bị lừa, khi đến Ngân hàng thì ông Đ được biết số tiền nộp vào đã bị rút vào 12 giờ cùng ngày nên đã đến Công an trình báo sự việc. Số tiền 10.500.000 đồng H, Tài, T1 đã rút về chia nhau tiêu xài hết.

Vụ thứ ba: Khoảng cuối tháng 10/2011, nhóm của T1, H, Tài gọi điện thoại đến số điện thoại cố định của gia đình ông Lê Ái H7 ở ấp Bình L, xã Tân B, huyện Vĩnh C, tỉnh Đồng Nai tự giới thiệu là T trước đây làm ở Bưu điện huyện Vĩnh C có quen biết ông H7 và nói nếu ông H7 có nhu cầu xin việc thì gọi cho T, đồng thời Tâm cho số điện thoại để ông H7 liên hệ (hiện nay ông H7 không nhớ số điện thoại này). Do ông H7 thấy con rể là anh Phạm Văn S (ở cùng địa chỉ) chưa có việc làm, nên đã nói chuyện và cho số điện thoại của T để anh S liên hệ. Đầu tháng 11/2011, anh Phạm Văn S gọi điện thoại đến số máy của T hỏi để xin việc, thì T cho số máy khác nói là số của chú B gọi nhờ sẽ giúp được. Anh Sao gọi để gặp người có tên là B, thì B nhận giúp và bảo anh S chuyển 8.000.000 đồng vào tài khoản 711A - 41092289 để chi phí giao dịch. Ngày 09/11/2011, anh Phạm Văn S đã chuyển 8.000.000 đồng vào tài khoản trên, nhưng sau đó anh Sao không liên lạc được với các số điện thoại trên nữa. Số tiền anh Sao chuyển, nhóm của T1, H, T đã rút về chia nhau tiêu xài hết.

Vụ thứ tư: Khoảng 11 giờ, ngày 10/11/2011, nhóm của T1, H, T gọi điện thoại đến số điện thoại 0653.748687 của gia đình ông Trương Văn L ở phường An T, thị xã Thuận A, tỉnh Bình Dương, nói gia đình ông L sử dụng số điện thoại bàn lâu năm nên đã trúng thưởng 170.000.000 đồng trong chương trình quay số trúng thưởng, đồng thời cho ông L số điện thoại di động của Lê Minh H4, làm tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Dương để liên hệ nhận tiền trúng thưởng. Khoảng 15 giờ cùng ngày, ông L gọi điện thoại cho người tên H4 và được H4 hướng dẫn đến Kho bạc tỉnh Bình Dương nhận tiền. Khi ông L đến Kho bạc, điện thoại thì H nói đang làm thủ tục, yêu cầu ông L đến Ngân hàng Công thương chi nhánh Bình Dương nộp 10% số tiền trúng thưởng là 17.000.000 đồng vào tài khoản số 711A - 41092289. Sau khi nộp tiền, ông L báo cho H4 biết thì được H4 cho số điện thoại khác, bảo liên lạc để nhận tiền trúng thưởng. Ông L gọi vào số điện thoại trên thì được thông báo mạng đang bị nghẽn nên chưa làm thủ tục được. Ông L chờ đến hơn 18 giờ thì về nhà và phát hiện bị lừa nên hôm sau đã đến Công an trình báo sự việc. Số tiền 17.000.000 đồng chiếm đoạt của ông Lê, thì H, T, T1 đã rút và chia nhau tiêu xài hết.

Vụ thứ năm: Ngày 15/11/2011, nhóm của T1, H, T gọi điện thoại đến máy cố định của gia đình anh Huỳnh Trung H1 ở ấp Chiến Thắng, xã Tân Thành A, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp tự giới thiệu là Hậu- nhân viên Công ty Bưu chính viễn thông, đồng thời báo số điện thoại nhà anh H1 trúng thưởng 150.000.000 đồng. Sau đó cho số điện thoại nói là của ông Năm là Giám đốc Ngân hàng và ông Hải làm ở Chi cục Thuế của tỉnh Đồng Tháp để hướng dẫn anh H1 nhận thưởng. Khi anh H1 liên lạc thì được hướng dẫn phải đến Ngân hàng đóng phí 10% vào tài khoản số 711A - 41092289. Do tưởng thật nên trong ngày anh H1 đã chuyển 02 lần tổng số 15.000.000 đồng vào tài khoản trên (khi chuyển tiền anh H1 lấy tên Huỳnh Văn Bé Tư), số tiền này nhóm H, Tài, T1 đã rút và chia nhau tiêu xài hết.

Vụ thứ sáu: Khoảng 9 giờ, ngày 15/11/2011, nhóm của T1, H, T gọi điện thoại đến số điện thoại 0663.753058 của gia đình bà Nguyễn Thị K (cH bà Khôn là ông Lý Công H3) ở ấp Tân Đ, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, xưng tên là D đang công tác tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Tây Ninh, nói số điện thoại cố định nhà bà K (ông H3) đã may mắn trúng giải nhất trong chương trình quay số trúng thưởng của VNPT tỉnh Tây Ninh, giá trị giải thưởng là 170.000.000 đồng, đề nghị gia đình gọi điện thoại cho người tên Tú M, số điện thoại 0983.508333 để được hướng dẫn lĩnh thưởng. Khi bà Khôn gọi vào số điện thoại trên, người tự xưng là Tư M nói đang công tác tại Kho bạc tỉnh Tây N, được VNPT ủy thác cho Kho bạc Nhà nước tỉnh Tây Ninh trao thưởng cho bà K số tiền là 170.000.000 đồng, 01 điện thoại và 01 sim khuyến mãi, để được lĩnh thưởng thì phải nộp thuế thu nhập 10% cho Nhà nước là 17.000.000 đồng. Bà K đã đến Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Tân Hưng nộp 17.000.000 đồng vào tài khoản số 711A- 41092289. Người tên M hẹn bà K 07 giờ 30 phút, ngày 16/11/2011 đến Kho bạc Tây Ninh nhận thưởng. Khoảng 08 giờ, ngày 16/11/2011, bà K đến Kho bạc và điện thoại thì M nói đang bận họp, sau đó M gọi điện thoại lại cho bà K, nói bà được tặng thêm 02 món quà phải đóng thêm 5% trên giá trị giải thưởng bằng 8.500.000 đồng, bà Khôn yêu cầu gặp ông M nhưng người này nói không có mặt tại Kho bạc Tỉnh, sau đó bà K không liên lạc được với người tên M nữa. Số tiền 17.000.000 đồng, H, T1, T đã rút về chia nhau tiêu xài hết.

Trong tổng số tiền 83.000.000 đồng chiếm đoạt được của 06 bị hại, H và T mỗi người được hưởng 27.000.000 đồng, T1 được hưởng 29.000.000 đồng (thêm 2.000.000 đồng là tiền T1 đã bỏ ra mua số tài khoản).

Qua xác minh anh Lê Minh H4, trú tại ấp Bình H8, thị trấn Tân T, huyện Tân T, tỉnh Long An là người đứng tên mở tài khoản số 711A- 41092289 tại Ngân

hàng Công thương chi nhánh Long An từ tháng 10/2010. Khoảng tháng 10/2011, do không có nhu cầu sử dụng nên anh H4 đã bán cho T1 với giá 2.000.000 đồng. Anh H4 không biết T1 sử dụng số tài khoản trên để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Tại Cáo trạng số 6015/CT-VKSTC-V2 ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thanh H khai nhận từ ngày 18/10/2011 đến ngày 15/11/2011, bị cáo cùng với Phan Văn T1, Nguyễn Chí T đã thực hiện thủ đoạn gian dối bằng cách giả mạo nhân viên Bưu điện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng, Cục thuế Tỉnh điện thoại đến các bị hại thông báo rằng các bị hại trúng thưởng, muốn nhận thưởng thì phải nộp tiền vào tài khoản số 711A-41092289 mang tên Lê Minh H nhưng do các bị cáo đang quản lý, sử dụng để chiếm đoạt tiền của các bị hại. Bị cáo thừa nhận bằng thủ đoạn gian dối nêu trên, bị cáo cùng T1, Tài đã chiếm đoạt tiền của 06 bị hại Phạm Văn S, Huỳnh Trung H1, Nguyễn Đức P, Lưu Văn Đ, Trương Văn L và Nguyễn Thị K (cH là Lý Công H3) số tiền 83.000.000 đồng, trong đó bị cáo được hưởng lợi là 27.000.000 đồng. Bị cáo thừa nhận Cáo trạng số 6015/CT-VKSTC-V2 ngày 11/11/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao truy tố bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có căn cứ. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thanh H không thừa nhận cùng với Nguyễn Văn Thuận E, Nguyễn Văn H và người tên Đ sử dụng 02 tài khoản mang tên Phòng Toàn Q và Phan Bảo Q để lừa đảo chiếm đoạt tài sản; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Văn Thuận E không thừa nhận bị cáo Nguyễn Thanh H đã cùng với Thuận E, H và Đ lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng việc sử dụng 02 tài khoản tên Phòng Toàn Q và Phan Bảo Q, còn việc bị cáo H cùng với T1, T lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì Nguyễn Văn Thuận E không tham gia.

Tại phiên tòa sơ thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Phan Văn T1, Nguyễn Chí T thừa nhận có cùng với bị cáo Nguyễn Thanh H lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 06 bị hại đúng như nội dung Cáo trạng số 6015/CT-VKSTC-V2 ngày 11/11/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao miêu tả. Tuy nhiên, hành vi của T1 và Tài trước đây đã bị Viện Kiểm sát nhân dân tối cao truy tố tại Cáo trạng số 36/KSĐT-V1A ngày 26/11/2012 và bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm tại Bản án số 114/2012/HSST ngày 27/12/2012 và Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm

tại Bản án số 577/2013/HSPT ngày 29/5/2013. Phan Văn T1 và Nguyễn Chí T thừa nhận cùng Nguyễn Thanh H lừa đảo chiếm đoạt của 06 bị hại Phạm Văn S, Huỳnh Trung H1, Nguyễn Đức P, Lưu Văn Đ, Trương Văn L và Nguyễn Thị K (cH là Lý Công H3) số tiền 83.000.000 đồng, trong đó T hưởng lợi được 27.000.000 đồng, T1 được hưởng 29.000.000 đồng do T1 đã mua tài khoản tên Lê Minh H giá 2.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2012/HSST ngày 27/12/2012 của Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Bản án hình sự phúc thẩm số 577/2013/HSPT ngày 29/5/2013 của Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định về trách nhiệm bồi thường dân sự đã buộc Phan Văn T1, Nguyễn Chí T cùng các bị cáo khác liên đới bồi thường cho 47 bị hại, trong đó đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng tài khoản tên Lê Minh H đã buộc bồi thường cho 05 bị hại là Nguyễn Đức P, Lưu Văn Đ, Phạm Văn S, Trương Văn L, Huỳnh Trung H1, nhưng chưa buộc bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị K (chồng là Lý Công H3). Tại phiên tòa sơ thẩm, Phan Văn T1, Nguyễn Chí T thống nhất không yêu cầu bị cáo Nguyễn Thanh H cùng liên đới bồi thường cho 05 bị hại: Nguyễn Đức P, Lưu Văn Đ, Phạm Văn S, Trương Văn L, Huỳnh Trung H1; còn bị cáo Nguyễn Thanh H thì tự nguyện bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị K (cH là Lý Công H3) số tiền đã chiếm đoạt của bà K, ông H3 là 17.000.000 đồng, bị cáo không yêu cầu T1, Tài cùng liên đới bồi thường số tiền này, ngày 10/02/2023 bị cáo đã tác động gia đình nộp số tiền 14.000.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp theo Biên lai thu số 0000358 để bồi thường, bị cáo chấp nhận sẽ bồi thường tiếp tục cho ông H3, bà K số tiền 3.000.000 đồng còn lại.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu luận tội, giữ nguyên nội dung truy tố của Cáo trạng. Kiểm sát viên nhận định bị cáo Nguyễn Thanh H cùng với Nguyễn Chí T, Phan Văn T1 thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản từ ngày 18/10/2011 đến ngày 15/11/2011, bị cáo giả danh là cán bộ Bưu điện, cán bộ Chi cục thuế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng của Tỉnh để gọi điện thoại thông báo trúng thưởng, hứa hẹn xin việc làm, đồng thời yêu cầu bị hại nộp tiền chi phí, thuê thu nhập vào tài khoản số 711A-41092289 mang tên Lê Minh H, sau đó rút hết tiền để chiếm đoạt. Bằng thủ đoạn trên, bị cáo H cùng với Tài và T1 đã chiếm đoạt của các bị hại Phạm Văn S, Huỳnh Trung H1, Nguyễn Đức P, Lưu Văn Đ, Trương Văn L và bà Nguyễn Thị K 83.000.000 đồng chia nhau tiêu xài, trong đó Nguyễn Thanh H và Nguyễn Chí T mỗi người được hưởng 27.000.000 đồng, Phan Văn T1 được 29.000.000 đồng. Sau khi phạm tội, bị cáo H bỏ trốn, đến ngày 26/3/2022 bị bắt theo Quyết định truy nã của Bộ Công an. Bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, sử dụng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản, hành vi của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của các

bị hại. Hành vi của bị cáo đủ cơ sở cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Từ đó, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Kiểm sát viên đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ do bị cáo đã “bồi thường thiệt hại” và “thành khẩn khai báo”. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Kiểm sát viên đề nghị áp dụng tình tiết bị cáo “phạm tội nhiều lần”. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H mức án từ 04 năm tù đến 05 năm tù. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do khả năng chấp hành hình phạt này của bị cáo là không có. Về trách nhiệm dân sự: Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Thanh H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Văn T1, Nguyễn Chí T về việc T1, Tài liên đới bồi thường cho 05 bị hại: Nguyễn Đức P, Lưu Văn Đ, Phạm Văn S, Trương Văn L, Huỳnh Trung H1 theo Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2012/HSST ngày 27/12/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Bản án hình sự phúc thẩm số 577/2013/HSPT ngày 29/5/2013 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh do các Bản án này đã có hiệu lực pháp luật, còn bị cáo Nguyễn Thanh H bồi thường cho bị hại Lý Công H3 (vợ là Nguyễn Thị K) số tiền 17.000.000 đồng, bị cáo đã bồi thường được 14.000.000 đồng nộp tại Cục Thi hành án tỉnh Đồng Tháp, đề nghị buộc bị cáo tiếp tục bồi thường 3.000.000 đồng còn lại.

Tại phần tranh luận, bị cáo Nguyễn Thanh H không tham gia tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về với gia đình, hòa nhập cộng đồng, có cơ hội làm lại cuộc đời và nuôi mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Bộ Công an, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Từ khi khởi tố vụ án cho đến tại phiên tòa sơ thẩm những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc KH1

nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Xét thấy, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy, bị cáo Nguyễn Thanh H thực hiện hành vi phạm tội tại thời điểm Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) có hiệu lực pháp luật. Tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” mà bị cáo bị truy tố, xét xử theo điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), so với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là bằng nhau. Vì vậy, căn cứ quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định xét xử bị cáo theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[3] Xét thấy tại phiên tòa, lời khai thừa nhận thực hiện hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh H phù hợp với nội dung truy tố của Cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy đã đủ cơ sở để khẳng định chỉ vì muốn có tiền tiêu xài mà trong khoảng thời gian từ ngày 18/10/2011 đến ngày 15/11/2011, khi trốn truy nã về hành vi lừa đảo chiếm tài sản tại tỉnh Vĩnh Long, bị cáo Nguyễn Thanh H đã cùng với Phan Văn T1, Nguyễn Chí T sử dụng thủ đoạn gian dối, thực hiện hành vi giả danh cán bộ Bưu điện, Kho bạc, Ngân hàng, Chi cục thuế gọi điện thoại thông báo các bị hại đã trúng thưởng, rồi yêu cầu các bị hại chuyển tiền vào tài khoản số 711A-41092289 mang tên Lê Minh H4 do bị cáo và T1, T mua về quản lý, sử dụng, sau đó bị cáo và T1, Tài rút ra để chia nhau tiêu xài. Tổng số tiền mà bị cáo Nguyễn Thanh H cùng với T1, Tài đã chiếm đoạt được của 06 bị hại là 83.000.000 đồng, bị cáo được hưởng 27.000.000 đồng, T được hưởng 27.000.000 đồng, T1 được hưởng 29.000.000 đồng (trong đó có 2.000.000 đồng trả cho việc trước đó T1 đã bỏ ra để mua tài khoản của Lê Minh H).

[4] Việc bị cáo Nguyễn Thanh H sử dụng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của các bị hại là cố ý. Ý thức gian dối của bị cáo H và T1, T hình thành trước khi liên hệ với các bị hại để tạo lòng tin và sau đó thì chiếm đoạt tiền của họ. Hành vi của bị cáo H và T1, Tài đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của các bị hại. Hành vi này đủ cơ sở cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Tuy nhiên, vào ngày 27/12/2012 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã xét xử sơ thẩm và kết án đối với Phan Văn T1 và Nguyễn Chí T về tội danh trên, xử phạt Phan Văn T1 14 năm tù, xử phạt Nguyễn Chí T 04 năm tù (tổng hợp với Bản án của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long xử phạt Tài 04 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, buộc Tài chấp hành hình

phạt chung là 08 năm tù), Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2012/HSST của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp có kháng cáo và tại Bản án số 577/2013/HSPT ngày 29/5/2013 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm đã tuyên giữ nguyên Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo. Đến nay Nguyễn Chí T và Phan Văn T1 đã chấp hành án xong, riêng bị cáo Nguyễn Thanh H bỏ trốn và bị truy nã, chưa bị truy tố, xét xử. Vì vậy qua xét xử sơ thẩm tại phiên tòa hôm nay, đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh H đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

a).....

e) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng;

... ”.

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thanh H cần phải được xử lý nghiêm minh, không chỉ để trừng phạt bị cáo mà còn nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích, góp phần răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sơ thẩm ngoài việc căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, còn phải xét đến nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

- *Xét về nhân thân:* Đối với vụ án này, bị cáo Nguyễn Thanh H tuy không có tiền án, tiền sự, nhưng bị cáo có nhân thân không tốt. Bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại tỉnh Vĩnh Long, bị phát hiện, bị khởi tố thì bị cáo bỏ trốn, sau đó bị bắt theo Lệnh truy nã và bị kết án phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật. Trong thời gian bỏ trốn khi vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại tỉnh Vĩnh Long chưa được xét xử, thì bị cáo lại tiếp

tục cùng T1, Tài thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 06 bị hại ở nhiều địa phương khác nhau.

- *Về tình tiết giảm nhẹ*: Bị cáo đã tác động gia đình nộp số tiền 14.000.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp để bồi thường thiệt hại cho bị hại và tuy rằng bị cáo không thừa nhận có cùng Nguyễn Văn Thuận E, Nguyễn Văn H và đối tượng tên D lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua sử dụng các tài khoản mang tên Phòng Toàn Q, Phan Bảo Q, nhưng bị cáo có thành khẩn khai báo, thừa nhận cùng với Nguyễn Chí T, Phan Văn T1 lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua việc sử dụng tài khoản 711A- 41092289 mang tên Lê Minh H4, nên bị cáo được xem xét, áp dụng tình tiết giảm nhẹ “thành khẩn khai báo”. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) để giảm nhẹ cho bị cáo.

- *Về tình tiết tăng nặng*: Bị cáo 06 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội từ hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, nên cần phải có hình phạt tương xứng để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội trong một khoảng thời gian nhất định nhằm trừng phạt, giáo dục bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy hoàn cảnh của bị cáo khó khăn, bị cáo không nghề nghiệp ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2012/HSST ngày 27/12/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Bản án hình sự phúc thẩm số 577/2013/HSPT ngày 29/5/2013 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử về trách nhiệm bồi thường dân sự buộc Phan Văn T1, Nguyễn Chí T cùng các bị cáo khác liên đới bồi thường cho 47 bị hại, trong đó đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng tài khoản tên Lê Minh H4 đã buộc bồi thường cho 05 bị hại là Nguyễn Đức P, Lưu Văn Đ, Phạm Văn S, Trương Văn L, Huỳnh Trung H1, các Bản án này chưa buộc các bị cáo bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị K (cH là Lý Công H3). Tại phiên tòa hôm nay, Phan Văn T1, Nguyễn Chí T thống nhất không yêu cầu bị cáo Nguyễn Thanh H cùng liên đới bồi thường cho 05 bị hại: Nguyễn Đức P, Lưu Văn Đ, Phạm Văn S, Trương Văn L, Huỳnh Trung H1; còn bị cáo Nguyễn Thanh H thì tự nguyện bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị K (chồng là Lý Công H3) số tiền đã chiếm đoạt của bà K, ông H3 là 17.000.000 đồng, bị cáo H không yêu cầu T1, Tài cùng liên đới bồi thường số tiền này. Ngày 10/02/2023, bị cáo H đã tác động gia đình nộp

số tiền 14.000.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp theo Biên lai thu số 0000358 để bồi thường, bị cáo chấp nhận sẽ bồi thường tiếp tục cho ông H3, bà K số tiền còn lại là 3.000.000 đồng. Xét thấy sự tự nguyện nêu trên của bị cáo Nguyễn Thanh H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Chí T, Phan Văn T1 là phù hợp; đồng thời, Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2012/HSST ngày 27/12/2012 của Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Bản án hình sự phúc thẩm số 577/2013/HSPT ngày 29/5/2013 của Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có hiệu lực pháp luật, nhằm bảo đảm tính ổn định của các Bản án này khi thi hành án, Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện này.

[7] Do vụ án đã xác định được bị hại, nên số tiền mà bị cáo Nguyễn Thanh H cùng với Nguyễn Chí T, Phan Văn T1 chiếm đoạt của bị hại phải hoàn trả cho bị hại, do đó không buộc bị cáo H phải nộp lại tiền chiếm đoạt để sung vào ngân sách Nhà nước.

[8] Về vật chứng: Xét thấy vật chứng của vụ án đã được xử lý tại Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2012/HSST ngày 27/12/2012 của Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Bản án này đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết lại.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thanh H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Xét thấy phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 139; các điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo được tính từ ngày tạm giữ (ngày 27/3/2022).

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Thanh H đồng ý bồi thường cho bị hại Lý Công H3 (vợ là Nguyễn Thị K) số tiền 17.000.000 đồng. Bị cáo đã

bồi thường được 14.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0000358 ngày 10/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Bị cáo Nguyễn Thanh H tiếp tục bồi thường cho bị hại Lý Công H3 (vợ là Nguyễn Thị K) số tiền 3.000.000 đồng.

Ông Lý Công H3 (vợ là bà Nguyễn Thị K) có quyền đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp để nhận số tiền bồi thường khi án có hiệu lực pháp luật.

Tiếp tục quản lý số tiền 14.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0000358 ngày 10/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp để bảo đảm thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

3. Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và các điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thanh H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt Bản án tổng đạt đúng quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- Cục THA DS tỉnh ĐT;
- Cơ quan THA Hình Sự CA tỉnh ĐT;
- Trại tạm giam CA tỉnh Đồng Tháp;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng GDKT, VP TA tỉnh ĐT;
- CQ CS ĐT CA tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng nghiệp vụ hồ sơ CA tỉnh ĐT;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu: HSVA, VT, Tòa HS (Loan).

Nguyễn Tuấn Anh